

**CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO  
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
NGÀNH, NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**A. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

1. Tên cơ sở đăng ký: Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa

Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: Thanh Hoa Medical College

2. Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.951.081, Fax: 02373.950.410

Website: [cyt.edu.vn](http://cyt.edu.vn), Email: [pdtcaodangyth@gmail.com](mailto:pdtcaodangyth@gmail.com)

3. Quyết định thành lập, cho phép thành lập

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp) số: 2360/QĐ-BGDĐT

Ngày, tháng, năm cấp: 11/05/2004. Cơ quan cấp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Họ và tên Hiệu trưởng: Mai Văn Bảy

Quyết định bổ nhiệm/công nhận số: 638/QĐ-UBND ngày 18/02/2019. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

5. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số: 42/2022/GCNDKHHĐ-TCGDNN.

Ngày, tháng, năm cấp: 06/6/2022. Cơ quan cấp: Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

<b>TT</b>	<b>Tên ngành/ngành đào tạo</b>	<b>Mã ngành/ngành</b>	<b>Quy mô đào tạo/năm</b>	<b>Trình độ đào tạo</b>
1.	Kỹ thuật hình ảnh y học	6720601	30	Cao đẳng

## **B. CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO.**

**1.1.Cơ sở vật chất:** Chung cho tất cả các ngành/ quy mô toàn trường

### **Phòng làm việc, khu nhà hiệu bộ:**

Có đầy đủ các phòng làm việc, phòng hành chính và khu hiệu bộ, bảo đảm đáp ứng cơ cấu tổ chức phòng, ban, bộ môn chuyên khoa, bảo đảm diện tích chỗ làm việc trung bình cho 300 giáo viên cơ hữu và kiêm chức : 9.5m<sup>2</sup>/ người (*Đảm bảo diện tích theo quy định 8 m<sup>2</sup>/ người*).

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Phòng Hiệu trưởng	01	50	
2.	Phòng Phó Hiệu trưởng	02	80	
3.	Phòng Chủ tịch Hội đồng Trường	01	40	
4.	Phòng Quản lý Đào tạo	02	120	
5.	Phòng Tổ chức - Hành chính	03	120	
6.	Phòng Tài chính - Kế toán	02	80	
7.	Phòng Khảo thí & KĐCL	04	120	
8.	Phòng Công tác HS-SV	02	80	
9.	Phòng Quản lý Khoa học & QHQT	02	80	
10.	Ban đào tạo theo nhu cầu xã hội	01	50	
11.	Phòng hội nghị	03	250	
12.	Phòng văn thư	01	40	
13.	Ban Quản lý Ký túc xá	01	50	
14.	Phòng khám bệnh	01	1000	
15.	Bộ môn Nội - Truyền nhiễm	01	40	
16.	Bộ môn Ngoại	01	40	
17.	Bộ môn Sản	01	40	
18.	Bộ môn Nhi	01	40	

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
19.	Bộ môn Xét nghiệm	01	40	
20.	Bộ môn Y cơ sở	01	40	
21.	Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh	01	40	
22.	Bộ môn Y tế công cộng	01	40	
23.	Bộ môn Điều dưỡng	01	40	
24.	Bộ môn Dược	01	40	
25.	Bộ môn Chuyên khoa	01	40	
26.	Bộ môn PHCN – Đông Y	01	40	
27.	Bộ môn Khoa học tự nhiên	01	40	
28.	Bộ môn Ngoại ngữ	01	40	
29.	Bộ môn LLCT - GDTC&QP	01	40	
30.	Phòng nghỉ giáo viên	03	90	
	<b>TỔNG</b>	<b>44</b>	<b>2850</b>	

**Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên.**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Sân thể thao	02	1500	
2.	Căng tin	01	500	
3.	Ký túc xá	60 (Phòng)	3000	
4.	Phòng khám bệnh đa khoa	20	1500	
5.	Hội trường lớn	01	500	
6.	Phòng đa phương tiện	01	200	

### **1.2. Danh mục các phòng:**

- Phòng học lý thuyết, phòng thực hành, thực tập dùng cho học tập, giảng dạy đảm bảo từ 5,5 m<sup>2</sup>/chỗ học/ tại 1 thời điểm (bố trí 02 ca học sáng, chiều/ngày).

*Thực tế đáp ứng 200% chỉ tiêu khi sử dụng 2 buổi sáng/ chiều/ ngày.*

<b>STT</b>	<b>Phòng thực hành</b>	<b>Số phòng</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Phòng lý thuyết:	3	150
2.	Phòng học Tin học	02	200
3.	Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ	01	75
4.	Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng	01	75
5.	Phòng thực hành Giải phẫu	02	120
6.	Thực hành Sinh lý – Lý sinh	01	60
7.	Phòng thực hành Sinh học	01	60
8.	Phòng thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng	01	60
9.	Phòng thực hành Hóa học	01	60
10.	Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng	02	120
11.	Phòng thực hành siêu âm số 01	01	45
12.	Phòng thực hành siêu âm số 02	01	45
13.	Phòng thực hành X- Quang số 01	01	100
14.	Phòng thực hành X-quang số 02	01	100
15.	Phòng giảng tích hợp chẩn đoán hình ảnh	01	100
<b>16.</b>	<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>1370</b>

**1.3. Thiết bị, dụng cụ đào tạo:** Đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị cần thiết theo danh mục tối thiểu quy định của Bộ LĐTBXH cho các ngành nghề. Số lượng các phòng cụ thể như sau:

#### **Phòng 1. Phòng lý thuyết:**

Giảng dạy kiến thức các môn học chung, kiến thức lý thuyết của các môn học, mô đun của chương trình đào tạo các ngành nghề. Đồng thời phòng lý thuyết có chức năng rèn luyện, phát triển trình độ chuyên môn, kỹ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, thuyết trình về kiến thức hiểu biết chung và kiến thức chuyên ngành.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Bàn, ghế,	Bộ	20
5	Bảng tiêu chuẩn	Chiếc	1

### **Phòng 2. Phòng học Tin học:**

Giảng dạy thực hành, tích hợp, rèn luyện các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thuộc 1 trong 6 môn học chung .

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Máy vi tính – kèm các phần mềm chuyên dùng	Bộ	48
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Ổn áp điện	Chiếc	4
6	Bàn ghế phù hợp	Bộ	48

### **Phòng 3. Phòng học thông minh - Phòng học ngoại ngữ**

Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như *Dược lâm sàng, Thông tin thuốc, Tư vấn sử dụng thuốc, Sử dụng thuốc trong điều trị, Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm...* có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm).

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Máy vi tính – Kèm hệ thống phần mềm chuyên dùng	Bộ	36
3	Hệ thống màn hình thông minh	Chiếc	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tai nghe	Bộ	36
	Các phần mềm tích hợp		
6	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
7	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>		
1.	Bộ bàn ghế	Bộ	36
2.	Bảng di động	Chiếc	1

#### **Phòng 4. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng:**

Dùng giảng : Cho các học phần: Dinh dưỡng tiết chế - Vệ sinh an toàn thực phẩm, Dịch tễ học, Y xã hội, Điều dưỡng cộng đồng, Sức khỏe - Vệ sinh – Môi trường; Pháp luật – Tổ chức y tế....)

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		

1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3	Máy quay phim video, máy ảnh, ghi âm	Bộ	1
4	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	1
8	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	1
9	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
10	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	1
11	Thiết bị nghe nhìn và đĩa hình phục vụ Truyền thông giáo dục sức khỏe	Bộ	1
12	Máy quay phim Video	Chiếc	1
13	Cân, thước đo chiều cao người lớn	Chiếc	1
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
15	Giường người bệnh	Chiếc	1
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>		
1	Các vaccin mẫu - Vaccin phòng lao (BCG) - Vaccin viêm gan B - Vaccin sởi - Vaccin Bạch hầu – Ho gà – uốn ván - Vaccin bại liệt (uống)	Bộ	3
2	Túi thuốc sơ cứu cho tuyến cơ sở. - Thuốc uống bù nước và điện giải - Paracetamol (500mg) - Thuốc trị cảm cúm - Băng chun y tế - Gạc tiệt trùng	Túi	3

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Băng tam giác</li> <li>- Băng urgo</li> <li>- Băng cuộn</li> <li>- Khẩu trang y tế</li> <li>- Găng tay</li> <li>- Băng dính vải</li> <li>- Povidine 10% 20ml</li> <li>- Natri clorid 0,9%</li> <li>- Băng viên</li> <li>- Băng cuộn</li> <li>- Nhiệt kế thủy ngân</li> <li>- Thuốc berberin</li> <li>- Dầu gió</li> <li>- Cồn 70°</li> <li>- Oxy già</li> <li>- Kính bảo vệ mắt</li> <li>- Khẩu trang lọc độc 3M</li> <li>- Tấm nilon không thấm</li> <li>- Gạc đắp vết thương</li> <li>- Miếng khăn giấy tẩm cồn</li> <li>- Phác đồ cấp cứu</li> <li>- Hộp nhựa nhiều tầng</li> </ul>		
3	Đệm	Chiếc	1
4	Ga trải giường	Chiếc	1
5	Chăn	Chiếc	1
6	Gối	Chiếc	1
<b>III</b>	<b>Học liệu</b>		
1	Bộ tranh vẽ: nước sạch, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, chương trình tiêm chủng mở rộng,	Bộ	3



	phòng chống tai nạn thương tích. Tranh về các côn trùng truyền bệnh, vệ sinh lao động, vệ sinh bệnh viện, trường học, trạm y tế, cá nhân, vệ sinh phòng dịch, xử lý chất thải,...		
2	Các bảng về truyền thông giáo dục sức khỏe, các tranh, áp phích, tờ rơi về giáo dục sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm,...	Bộ	3
3	Mô hình/tranh hướng dẫn bữa ăn đủ dinh dưỡng theo chế độ bệnh lý và trẻ em.	Bộ	3
4	Tranh/Mô hình cung cấp nước sạch ở nông thôn, thành thị,...	Bộ	3
5	Tranh/Mô hình hố xí sạch ở nông thôn, hố xí tự hoại, hố xí hai ngăn,...	Chiếc	3
6	Tranh/Mô hình mô phỏng trạm y tế xã và các thiết bị trang bị cơ bản cho trạm y tế đạt chuẩn quốc gia	Bộ	3
7	Hệ thống xử lý rác thải bệnh viện (Thực tập tại cơ sở Y tế)		

### **Phòng 5. Phòng thực hành giải phẫu**

Giảng dạy thực hành giải phẫu các cơ quan trên cơ thể người: giải phẫu bộ xương, hệ cơ, thần kinh, các bộ phận trên cơ thể người... là cơ sở để thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

Sử dụng cho môn học giải phẫu của tất cả các chuyên ngành.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1

3	Bộ tăng âm (Ampli, micro, loa)	Bộ	1
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>		
1	Bộ xương người cỡ chuẩn	Bộ	1
2	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	1
3	Mô hình hộp sọ (7 phần)	Bộ	3
4	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng (13 phần )	Bộ	1
5	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ (30 phần)	Bộ	1
6	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu (27 phần)	Bộ	1
7	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	1
8	Mô hình cơ cánh tay - 6 mảnh	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu toàn thân (phủ tạng có thể tháo rời, có 36 phần)	Bộ	1
10	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	3
11	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	3
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	1
13	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	1
14	Mô hình tim	Chiếc	3
15	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	1
16	Mô hình phổi (7 mảnh)	Chiếc	3
17	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	3
18	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
19	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	3
20	Mô hình cơ quan sinh dục nam ***	Bộ	3
21	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ ***	Bộ	3
22	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng ***	Bộ	3
23	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	3
24	Mô hình mắt	Bộ	3

25	Mô hình da phóng đại	Chiếc	3
26	Mô hình tai phóng đại, 6 mảnh	Chiếc	3
27	Mô hình não	Chiếc	3
28	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	3
29	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	3
30	Mô hình cắt đứng qua chậu hông nữ	Chiếc	3
31	Mô hình chi trên/ chi dưới cắt lớp	Bộ	3
32	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	3
<b>III</b>	<b>Học liệu</b>		
1	Các tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Chiếc	3
2	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Chiếc	3
3	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Chiếc	3
4	Các tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Chiếc	3
5	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Chiếc	3
6	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Chiếc	3
7	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Chiếc	3
8	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Chiếc	3
9	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Chiếc	3
10	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Chiếc	3
11	Các tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Chiếc	3
12	Các tranh giải phẫu - sinh lý da	Chiếc	3
13	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Chiếc	3
14	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Chiếc	3
15	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Chiếc	3
16	Các tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Chiếc	3

**Phòng 6. Thực hành Sinh lý – Lý sinh :**

Giảng dạy thực hành thí nghiệm của môn học Sinh lý – Lý sinh – Sinh lý bệnh: chứng minh, giải thích các tính chất sinh lý của cơ thể, các giả thuyết về bệnh từ đó rút ra các biện pháp chẩn đoán, phòng, chăm sóc và điều trị bệnh.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc	27
4	Máy li tâm	Chiếc	1
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ	1
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	1
8	Nồi hấp	Chiếc	1
9	Cân kỹ thuật	Chiếc	1
10	Nồi cách thủy	Chiếc	1
11	Tủ âm	Chiếc	1
12	Bộ bình cầu	Bộ	1
13	Bộ bình nón	Bộ	1
14	Cốc	Chiếc	1
15	Cốc có mỏ	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 50ml	Chiếc	1
	Loại 100ml	Chiếc	1
	Loại 250ml	Chiếc	1
	Loại 500ml	Chiếc	1
16	Dây garo và gối nhỏ	Bộ	1
17	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc	1

18	Giá đỡ dụng cụ thủy tinh	Chiếc	1
19	Giá đỡ tiêu bản	Chiếc	5
20	Tủ sấy	Chiếc	1
21	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc	1
22	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	1
23	Khay chữ nhật	Chiếc	10
24	Khay hạt đậu	Chiếc	1
25	Kim lấy máu	Chiếc	200
26	Lá kính (lamen)	Chiếc	10
27	Ống đong có chia vạch	Chiếc	1
28	Ống nghiệm	Bộ	100
29	Bộ panh	Bộ	1
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại cong có máu	Chiếc	1
	Loại cong không máu	Chiếc	1
	Loại thẳng có máu	Chiếc	1
	Loại thẳng không máu	Chiếc	1
30	Pipet	Chiếc	5
31	Tủ lạnh	Chiếc	1
32	Kính hiển vi kết nối hệ thống ti vi	Chiếc	1

### **Phòng 7. Phòng thực hành Sinh học :**

Giảng dạy thực hành môn học : Sinh học đại cương - Di truyền học trong tất cả các ngành nghề đào tạo.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1

4	Kính hiển vi quang học	Chiếc	20
5	Tủ lạnh	cái	1
6	Tủ đựng kính hiển vi	cái	3
7	Tủ kính KN(2mx1.5m)	cái	1
8	Tủ KN	cái	1
9	Khay men loại nhỏ 22x32cm, loại to 30x40cm.	cái	10
10	Giá để lam	cái	5
11	Giá cắm lam	cái	5
12	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	2
13	Hộp petri đựng bông cotton	Hộp	10
14	Bảng kiểm quy trình kỹ thuật.	cái	6
<b>15</b>	Bộ nhuộm tiêu bản	cái	2
16	Hộp đựng tiêu bản	cái	2
17	Chai nút mài thủy tinh 500ml	cái	5
18	Chai nút mài thủy tinh 100ml	cái	5
19	Cốc có mỏ 100ml	cái	5
20	Cốc có mỏ 200ml	cái	5
21	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	3
22	- Ống nghiệm thủy tinh.	cái	20
23	Lam kính, la men	Hộp	10
<b>III</b>	<b>Học liệu</b>		
1	Bộ tiêu bản mẫu gồm: -Tiêu bản tế bào thần kinh tủy sống. - Tiêu bản tế bào thần kinh đại não. -Tiêu bản mẫu phân bào nguyên nhiễm ở rễ hành. - Tiêu bản mẫu phân bào giảm nhiễm ở tinh hoàn châu chấu đực.	Bộ	5

	- Tiêu bản mẫu vật thể Barr. - Tiêu bản máu dãn. - Tiêu bản mẫu bộ Nhiễm sắc thể....		
2	Bộ tranh về cấu tạo tế bào.	Bộ	2
	Bộ tranh về các giai đoạn phân chia tế bào.	Bộ	2

### **Phòng 8. Vi sinh – Ký sinh trùng**

Giảng dạy thực hành các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Vi sinh – Ký sinh trùng của các ngành nghề đào tạo và môn chuyên ngành của cao đẳng xét nghiệm.

Giảng dạy thực hành các thí nghiệm cơ bản trong thực hành Vi sinh – Ký sinh trùng:

+ Nghiên cứu các đặc điểm cơ bản về hình thái, cấu tạo, di truyền,... của các vi sinh vật có lợi và có hại trong cơ thể người hoặc tác động đến cơ thể người.

+ Chẩn đoán bệnh vi sinh – ký sinh trùng nhằm giúp người bệnh có kết quả chính xác nhất về tình trạng bệnh đang mắc phải bằng các xét nghiệm Ký sinh trùng thông qua các dịch cơ thể, bệnh phẩm, ...

- Phục vụ các hoạt động nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các vi sinh vật đến cơ thể người để ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	1
3	Đèn cồn	Chiếc	3
4	Đồng hồ treo tường	Chiếc	1
5	Máy in	Chiếc	1
6	Máy ly tâm	Chiếc	2
7	Cân phân tích điện tử	Cái	1

8	Nhiệt kế theo dõi nhiệt độ tủ bảo quản	Chiếc	1
9	Nồi hấp	Chiếc	1
10	Tủ âm	Chiếc	1
11	Tủ an toàn sinh học cấp 2 (Thực hành tại cơ sở thực hành)	Chiếc	1
12	Tủ lạnh	Chiếc	2
13	Tủ sấy	Chiếc	1
14	Kính hiển vi quang học	Chiếc	10
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>		
1	Bể nhuộm bằng thủy tinh	Chiếc	6
2	Bình cầu	Bộ	3
3	Bộ Kim Kocher	Bộ	3
	- Loại cong có máu	Chiếc	1
	- Loại cong không máu	Chiếc	1
	- Loại thẳng có máu	Chiếc	1
	- Loại thẳng không máu	Chiếc	1
4	Bộ cốc có chân, gồm các loại: ( <i>Kho phòng TH Hoá</i> )	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
	- Loại 250 ml	Chiếc	1
	- Loại 500 ml	Chiếc	1
	- Loại 1000 ml	Chiếc	1
5	Bộ cốc có mỏ, gồm các loại:	Bộ	6
	- Loại 50 ml	Chiếc	1
	- Loại 100 ml	Chiếc	1
6	Bộ phễu, gồm:	Bộ	6
	- Phễu lọc	Chiếc	1
	- Giá đựng phễu lọc	Chiếc	1



7	Cối, chày các loại	Bộ	3
	- Đường kính miệng cối 10cm	Chiếc	1
	- Đường kính miệng cối 15cm	Chiếc	1
8	Đĩa peptri	Chiếc	54
9	Đĩa thạch Mueller-Hinton	Chiếc	6
10	Đũa thủy tinh	Chiếc	5
11	Hộp kháng thủng đựng vật sắc nhọn	Chiếc	3
12	Hộp lưu tiêu bản	Chiếc	3
13	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Chiếc	1
14	Kéo	Bộ	3
	- Kéo cong	Chiếc	1
	- Kéo thẳng	Chiếc	1
15	Khay đựng bệnh phẩm	Cái	3
16	Lọ đựng bệnh phẩm	Chiếc	6
18	Ống độ đục chuẩn McFarland	Chiếc	1
19	Ống đong có chia vạch	Bộ	3
20	Ống hút	Chiếc	18
21	Ống nghiệm , mỗi bộ gồm:	Bộ	3
	- Loại 15 ml	Chiếc	1
	- Loại 20 ml	Chiếc	1
	- Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	1
	- Giá kẹp ống nghiệm( <i>Phòng TH Hoá</i> )	Chiếc	1
22	Ống nghiệm chống đông	Chiếc	9
23	Ống nghiệm có nút bông	Chiếc	9
24	Ống nghiệm có nút vụn	Chiếc	9
25	Ống nghiệm nhựa	Chiếc	6
26	Ống nghiệm thủy tinh	Chiếc	6
27	Ống nghiệm thủy tinh 15 - 20 ml	Chiếc	3
28	Panh nhựa ( Dụng cụ thay thế )	Chiếc	3

29	Que cấy	Chiếc	3
30	Que cấy dung tích 1 $\mu$ l và 10 $\mu$ l	Chiếc	3
31	Que phết đờm	Chiếc	3
32	Que thuỷ tinh	Chiếc	3
33	Thùng đựng rác thải thông thường	Chiếc	1
34	Thùng đựng rác thải y tế	Chiếc	1
35	Thước kẹp( <i>Dụng cụ thay thế</i> )	Chiếc	1
36	Trụ cắm panh	Chiếc	3
37	Tiêu bản mẫu chứng giun sán	Bộ	1
38	Tiêu bản mẫu ký sinh trùng sốt rét	Bộ	1
39	Tiêu bản mẫu đơn bào	Bộ	1

### Phòng 9. Phòng thực hành Hóa học:

Giảng dạy thực hành chứng minh các hiện tượng hoá học, phản ứng hoá học, định tính, định lượng các chất hoá học ... thuộc môn học Hoá học trong tất cả các chương trình đào tạo.

STT	Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1.	Máy vi tính	Bộ	1
2.	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
3.	Cân phân tích	Chiếc	2
4.	Tủ sấy	Chiếc	1
5.	Tủ đựng hóa chất có lọc hấp	Chiếc	1
6.	Bếp điện	Cái	1
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>		
1	Dụng cụ các phương pháp chuẩn độ - Buret (25ml) - Giá đỡ buret	Bộ	5

	- Bình định mức (100ml) - Bình nón (100ml) - Cốc chân - Ống đong - Đũa thủy tinh (30cm) - Chén cân		
2	Cốc có mỏ 500ml	Cái	5
3	Cốc có mỏ 100ml	Cái	15
4	Ống nghiệm 15mm	Cái	50
5	Pipet 1ml	Cái	2
6	Pipet 2ml	Cái	1
7	Pipet 5ml	Cái	2
8	Pipet 10ml	Cái	10
9	Pipet bầu 10ml	Cái	3
10	Bình nón 500ml	Cái	5
11	Bình nón 100ml	Cái	20
12	Bình thủy tinh có nút mài 100ml	Cái	9
13	Bình thủy tinh có nút mài 500ml	Cái	7
14	Bình thủy tinh có nút mài 1000ml	Cái	2
15	Bình công tơ hút 100ml	Cái	30
16	Bình công tơ hút 125ml	Cái	30
17	Bình định mức 100ml	Cái	6
18	Bình định mức 500ml	Cái	2
19	Bình định mức 1000ml	Cái	2
20	Bát sứ (đường kính 6,5cm)	Cái	4
21	Cốc chân 500ml	Cái	2
22	Ống đong 10ml	Cái	8
23	Càng cu kẹp buret kim loại	Cái	8
24	Lưới amiang	Cái	5

25	Mặt kính đồng hồ	Cái	6
26	Giá đèn côn	Cái	5
27	Chậu thủy tinh (f30)	Cái	1
28	Đũa thủy tinh (30cm)	Cái	5
29	Bình hút ẩ	Cái	1
31	Giá cắm ống nghiệm inox	Cái	20
32	Chén nung	Cái	4
33	Kẹp gỗ	Cái	8
34	Quả bóp cao su	Cái	4

### **Phòng 10. Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng ( Phòng Đ D 1; 2)**

Giảng dạy thực hành các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. Cụ thể người học sẽ được hướng dẫn và thực hành các kỹ thuật cơ bản như: vệ sinh vô khuẩn thầy thuốc, người bệnh, môi trường, kỹ thuật tiêm truyền, chuẩn bị dụng cụ phụ giúp thầy thuốc khám bệnh, chăm sóc người bệnh, cho người bệnh uống thuốc, vệ sinh cho người bệnh...

Dùng để giảng môn: Điều dưỡng cơ bản 1, 2, Điều dưỡng và cấp cứu ban đầu, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý điều dưỡng thuộc các chuyên ngành đào tạo của trường.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	3
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu/Smart Tivi	Bộ	1
4	Giường người bệnh	Chiếc	4

5	Tủ đầu giường*	Chiếc	1
6	Cáng*	Chiếc	1
7	Xe cáng người bệnh	Chiếc	1
8	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	1
9	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	3
10	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	5
11	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	3
12	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ	1
13	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	1
14	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	5
<b>II</b>	<b>Dụng cụ</b>		
1	Bảng	Chiếc	1
2	Đệm	Chiếc	4
3	Chăn	Chiếc	4
4	Ga trải giường	Chiếc	5
5	Gối	Chiếc	4
6	Đệm nước*	Chiếc	1
7	Đệm hơi*	Chiếc	1
8	Dụng cụ rửa tay - Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt - Kéo cắt móng tay - Trụ cầm kim - Panh Kocher - Bàn chải mềm - Hộp đựng khăn vô khuẩn - Hộp đựng dung dịch khử khuẩn - Cốc - Tạp dề - Túi đựng đồ bẩn	Bộ	1

9	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Bộ	5
10	Các loại săng - Săng mổ - Săng có lỗ - Săng trải giường - Tấm lót	Bộ	5
11	Bô các loại - Bô dẹt - Bô vệt	Bộ	3
12	Xô các loại	Bộ	3
13	Chậu các loại	Bộ	3
14	Túi đựng dụng cụ cấp cứu*	Túi	1
15	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	3
16	Mô hình tiêm mông	Bộ	3
17	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	5
18	Mô hình thắt tháo	Bộ	3
19	Mô hình đa năng (nghe tim phổi, đo huyết áp, đếm mạch)	Bộ	3
20	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	3
21	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	3
22	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	3
23	Dụng cụ chườm - khay chữ nhật - Trụ cầm Panh Kocher - Panh Kocher - Túi chườm - Cốc - Khăn bông to, nhỏ - Chậu + ca	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vô đập đá</li> <li>- Phích đựng nước nóng</li> </ul>		
24	<p>Dụng cụ tiêm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay inox</li> <li>- Săng 50 x 50 cm</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh tiêm thẳng có máu</li> <li>- Kéo thẳng</li> <li>- Hộp tròn đựng bông cotton</li> <li>- Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Dây garo và gói nhỏ</li> </ul>	Bộ	5
25	<p>Dụng cụ truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay inox</li> <li>- Săng 50 x 50 cm</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh tiêm thẳng có máu</li> <li>- Kéo thẳng</li> <li>- Hộp tròn đựng bông cotton</li> <li>- Hộp đựng thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Cọc truyền inox 2 tai treo</li> <li>- khay hạt đậu</li> <li>- Bộ thử test đầu giường</li> <li>- Dây garo và gói nhỏ</li> </ul>	Bộ	3
26	<p>Dụng cụ cho người bệnh uống thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay chữ nhật</li> <li>- Cốc đựng thuốc</li> <li>- Bình nước</li> <li>- Cốc chia vạch</li> <li>- Thìa gạt</li> </ul>	Bộ	3
27	Dụng cụ bôi thuốc cho người bệnh	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh kocher</li> <li>- Hộp đựng bông gạc</li> <li>- Que bệt</li> </ul>		3
29	<p>Dụng cụ cho ăn bằng đường miệng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay inox</li> <li>- Săng</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Cốc đựng nước chín</li> <li>- Cốc đựng thức ăn</li> <li>- Bát và 2 thìa</li> <li>- Chậu</li> </ul>	Bộ	3
30	<p>Dụng cụ cho ăn bằng đường thông</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay inox</li> <li>- Săng</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Ống nghe tim phổi</li> <li>- Ống thông Clini</li> <li>- Ống thông Levin</li> <li>- Bơm tiêm 50ml</li> <li>- Cốc đựng nước chín</li> <li>- Cốc đựng thức ăn</li> <li>- Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin</li> <li>- Hộp tròn đựng bông cầu</li> <li>- Đè lưới</li> <li>- Chậu</li> </ul>	Bộ	3
31	<p>Dụng cụ hút đờm rãi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy hút dịch 2 bình</li> <li>- Sonde các loại</li> </ul>	Bộ	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- khay hạt đậu</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh thẳng có máu</li> <li>- Cốc đựng nước chín</li> <li>- Hộp đựng bông gạc</li> </ul>		2
32	<p>Dụng cụ chăm sóc răng miệng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay inox</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh thẳng có máu</li> <li>- khay hạt đậu</li> <li>- Hộp inox đựng bông cầu</li> <li>- Ca đựng nước, bình đựng nước</li> <li>- Đè lưỡi</li> <li>- Kim mở miệng</li> <li>- Bàn chải</li> </ul>	Bộ	3
33	<p>Dụng cụ rửa mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chậu</li> <li>- Máy cạo râu*</li> <li>- Khăn rửa mặt</li> </ul>	Bộ	3
34	<p>Dụng cụ chải đầu, gội đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy sấy tóc</li> <li>- khay</li> <li>- khay hạt đậu</li> <li>- Máng gội đầu*</li> <li>- Lược- Xô*- Chậu*- Ca</li> </ul>	Bộ	3
35	<p>Dụng cụ tắm tại giường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh thẳng có máu</li> <li>- Hộp đựng bông gạc</li> </ul>	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ca</li> <li>- Thùng</li> <li>- Chậu</li> <li>- Bình phong</li> </ul>		
36	<p>Dụng cụ thay băng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay</li> <li>- Kéo thẳng</li> <li>- Cốc</li> <li>- Hộp tròn inox</li> <li>- Panh Kocher</li> <li>- Kẹp phẫu tích</li> </ul>	Bộ	3
37	<p>Dụng cụ rửa vết thương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay inox</li> <li>- Kéo thẳng</li> <li>- Cốc</li> <li>- Hộp tròn inox</li> <li>- Panh Kocher thẳng</li> <li>- Kẹp phẫu tích</li> <li>- Chậu inox</li> </ul>	Bộ	3
38	<p>Dụng cụ cắt chỉ vết thương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay</li> <li>- Kéo thẳng</li> <li>- Kéo cong</li> <li>- Cốc</li> <li>- Hộp tròn inox</li> <li>- Panh Kocher</li> <li>- Kẹp phẫu tích</li> </ul>	Bộ	3
39	<p>Dụng cụ thắt tháo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- khay</li> <li>- Trụ cắm panh</li> </ul>	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Panh Kocher</li> <li>- Bộc thụt</li> <li>- Dây cao su mềm</li> <li>- Canuyn và khóa van</li> <li>- Chậu- Ca - Cốc</li> <li>- Gối</li> <li>- Bô</li> <li>- Quả bóp cao su và thông Nelaton</li> </ul>		3
40	<p>Dụng cụ cho người bệnh thở ôxy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bình oxy</li> <li>- Dây thở oxy 2 nhánh</li> <li>- Bình làm ẩm</li> <li>- Khay</li> <li>- Kéo</li> <li>- Hộp đựng bông gạc</li> <li>- Ống sonde Nelaton</li> <li>- Mask thở oxy</li> </ul>	Bộ	3
41	<p>Dụng cụ hút dịch dạ dày, tá tràng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay</li> <li>- Trụ cắm panh *</li> <li>- Kìm kocher</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Cốc</li> <li>- Bơm tiêm 50ml</li> <li>- Sonde Levin</li> </ul>	Bộ	3
42	<p>Dụng cụ rửa dạ dày</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Kìm kocher</li> <li>- Ống faucher</li> </ul>	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Bơm tiêm 50ml</li> <li>- Cốc</li> <li>- Kim mở miệng</li> <li>- Đè lưỡi</li> <li>- Xô*</li> <li>- Chậu</li> </ul>		3
43	<p>Dụng cụ lấy máu xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay*</li> <li>- Trụ cầm panh*</li> <li>- Kim kocher</li> <li>- Dây garo</li> <li>- Gói</li> <li>- Cốc*</li> <li>- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Ống nghiệm</li> </ul>	Bộ	3
44	<p>Dụng cụ lấy phân xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọ đựng phân</li> <li>- Bô*</li> </ul>	Bộ	3
45	<p>Dụng cụ lấy nước tiểu xét nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Trụ cầm panh*</li> <li>- Kim kocher thẳng</li> <li>- Cốc</li> <li>- Khay hạt đậu*</li> <li>- Ống nghiệm và giá</li> <li>- Ống đong có chia vạch</li> <li>- Bô*</li> <li>- Sonde Nelaton</li> </ul>	Bộ	3
46	Dụng cụ lấy dịch tiết xét nghiệm	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nhỏ</li> <li>- Ống nghiệm vô khuẩn</li> <li>- Lam kính</li> </ul>		3
47	<p>Dụng cụ rửa bàng quang</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Trụ cắm panh inox*</li> <li>- Kim kocher thẳng</li> <li>- Kéo</li> <li>- Cốc*</li> <li>- Khay hạt đậu*</li> <li>- Sonde Nelaton</li> </ul>	Bộ	3
48	<p>Dụng cụ chọc dò dịch não tủy (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh Kocher thẳng</li> <li>- Kéo</li> <li>- Kim chọc dò tủy sống</li> <li>- Cốc</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Đèn cồn</li> <li>- Ống nghiệm</li> <li>- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy</li> </ul>	Bộ	3
49	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng bụng (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Trụ cắm panh</li> </ul>	Bộ	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Panh Kocher thẳng</li> <li>- Kéo</li> <li>- Kim chọc dò</li> <li>- Bơm tiêm 20ml, 50ml</li> <li>- Cốc</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Đèn cồn</li> <li>- Ống nghiệm</li> <li>- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Dây dẫn lưu ổ bụng</li> </ul>		3
50	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng phổi (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Trụ cắm panh</li> <li>- Panh Kocher thẳng</li> <li>- Kéo</li> <li>- Kim chọc dò Terumo</li> <li>- Bơm tiêm 20ml, 50ml</li> <li>- Cốc</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Đèn cồn</li> <li>- Ống nghiệm</li> <li>- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Dây dẫn lưu màng phổi</li> </ul>	Bộ	3
51	<p>Dụng cụ chọc dò dịch màng tim (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Trụ cắm panh</li> </ul>	Bộ	3

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Panh Kocher thẳng</li> <li>- Kéo</li> <li>- Kim chọc dò</li> <li>- Bơm tiêm 20 ml, 50 ml</li> <li>- Cốc</li> <li>- Khay hạt đậu</li> <li>- Đèn cồn</li> <li>- Ống nghiệm</li> <li>- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Dây dẫn lưu màng tim</li> </ul>		
52	<p>Dụng cụ phòng, chống loét</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trụ cắm panh*</li> <li>- Kim kocher thẳng*</li> <li>- Chậu</li> <li>- Cốc*</li> <li>- Đệm hơi, nước</li> </ul>	Bộ	3
53	<p>Dụng cụ sơ cứu gãy xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cánh nhựa mặt cứng</li> <li>- Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh )</li> <li>- Băng buộc</li> <li>- Băng tam giác</li> <li>- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ</li> <li>- Chăn bông</li> <li>- Gói</li> </ul>	Bộ	3
54	<p>Dụng cụ sơ cứu vết thương đứt động mạch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay chữ nhật</li> <li>- Băng Esmarch</li> <li>- Băng</li> <li>- Băng tam giác</li> </ul>	Bộ	3

	- Hộp thuốc cấp cứu phản vệ		
55	Dụng cụ đo lượng dịch vào ra cơ thể - Ca chia vạch - Cốc có chia vạch - Ống đong	Bộ	3
56	Dụng cụ đặt nội khí quản - khay chữ nhật - Ống nội khí quản - Đèn soi thanh quản - Hộp cấp thuốc cứu phản vệ* - Ống sonde - Bóng ambu - Bình làm ẩm - Cốc* - Bình oxy - Máy hút hai bình	Bộ	2
57	Dụng cụ mở khí quản - khay chữ nhật - Trụ cắm panh* - Kim kocher thẳng có máu* - Kéo - Cốc* - Kẹp phẫu tích - Kim mang kim - Kim khâu da - Dao mổ + cán dao - Kẹp Farabeuf - Bóng ambu - Hộp thuốc cấp cứu	Bộ	3



	phản vệ* - khay hạt đậu* - Hộp chữ nhật - Hộp tròn		
58	Dụng cụ đặt Catheter (Thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng) - khay chữ nhật - Trụ cầm panh - Panh Kocher thẳng có máu - Kéo - Cốc - Kẹp phẫu tích có máu - Kim mang kim - Kim khâu da + chỉ line - Dây truyền - khay hạt đậu - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ - Sonde catheter - Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm - Hộp an toàn	Bộ	3
59	Dụng cụ cấp cứu - Bóng ambu - Mask thở - Hộp thuốc cấp cứu phản vệ*	Bộ	3
60	Băng các loại - Băng cuộn - Băng chun - Băng Esmarch	Bộ	10
<b>III</b>	<b>Học liệu</b>		

1	Các bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, sử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	1
2	Các quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	3

### **Phòng 11. Phòng thực hành siêu âm số 1:**

Thực hành các kỹ thuật siêu âm cơ bản, nâng cao, hình ảnh siêu âm chẩn đoán: Môn học Kỹ thuật siêu âm. Thực tập lâm sàng 1, 2,3.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Điều hòa	cái	1
2	Máy chiếu/Smart Tivi	cái	1
3	Máy siêu âm samsung Acuvix A30	cái	1
4	Bộ máy tính	Chiếc	1
5	Máy in màu chuyên dụng	cái	1
6	Giường người bệnh	Chiếc	1
8	Đệm	Chiếc	1
9	Chăn mỏng	Chiếc	1
10	Ga trải giường	Chiếc	1
11	Gối	Chiếc	1
12	Khăn lau	Chiếc	10

### **Phòng 12. Phòng thực hành siêu âm số 2:**

Thực hành các kỹ thuật siêu âm cơ bản, nâng cao, hình ảnh siêu âm chẩn đoán: Môn học Kỹ thuật siêu âm; Thực tập lâm sàng 1, 2,3.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Máy siêu âm Simen Sonoline G50	cái	1
2	Bộ máy tính	Chiếc	1
3	Máy in	cái	1
4	Điều hòa	cái	1
5	Máy chiếu/Smart Tivi	cái	1
6	Giường người bệnh	Chiếc	1
8	Đệm	Chiếc	1
9	Chăn mỏng	Chiếc	1
10	Ga trải giường	Chiếc	1
11	Gối	Chiếc	1
12	Khăn lau	Chiếc	10
13	Xô đựng	Chiếc	1
14	Tài liệu siêu âm	Bộ	1

### **Phòng 13. Phòng thực hành X- Quang số 1.**

Thực hành giảng các môn học : Vật lý tia X, Giải phẫu X- Quang; Kỹ thuật chụp X- Q không dùng thuốc và có dùng thuốc; Chẩn đoán hình ảnh XQ, Kỹ thuật buồng tối, Bảo trì máy X- quang; Quản lý khoa X- Quang, Thực hành lâm sàng 1,2,3

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
------------	--	---------------	-----------------

<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Điều hòa	cái	1
2	Máy Xquang KTS DR Ecotrol	cái	1
3	Bộ máy tính	cái	1
4	Đèn đọc phim Xquang	cái	1
5	Máy in phim	cái	1
6	Bộ máy tính	Bộ	1

### **Phòng 14. Phòng thực hành Xquang số 2:**

Thực hành giảng các môn học : Vật lý tia X, Giải phẫu X- Quang; Kỹ thuật chụp X- Q không dùng thuốc và có dùng thuốc; Chẩn đoán hình ảnh XQ, Kỹ thuật buồng tối, Bảo trì máy X- quang; Quản lý khoa X- Quang, Thực hành lâm sàng 1,2,3.

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Điều hòa	cái	1
2	Máy Xquang Shimadzu D250	cái	1
3	Đèn đọc phim Xquang	cái	1
4	Máy rửa phim	cái	1
5	Bộ cassette	Bộ	1
6	Đèn in phim	cái	1
7	Phim Xquang các kích cỡ	Bộ	3

### **Phòng 15. Phòng giảng tích hợp chẩn đoán hình ảnh.**

Thực hành giảng các môn học : Vật lý tia X, Giải phẫu X- Quang; Chẩn đoán hình ảnh XQ, Kỹ thuật buồng tối, Bảo trì máy X- quang; Quản lý khoa X- Quang, Thực hành lâm sàng 1,2,3

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị, dụng cụ, học liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
------------	--	---------------	-----------------

<b>I</b>	<b>Thiết bị</b>		
1	Đèn đọc phim Xquang	cái	1
2	Bảng viết	cái	1
3	Máy chiếu	cái	1
4	Bàn ghế ngồi học	Bộ	1
5	Ti vi samsung	cái	1
6	Máy vi tính	Bộ	1

#### **1.4.Nhà giáo:**

Số lượng, chất lượng nhà giáo (trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề; nghiệp vụ sư phạm; trình độ tin học, ngoại ngữ): 48 Giáo viên cơ hữu ( 32 nhà giáo môn chung – 16 gv chuyên ngành), 12 giáo viên kiêm chức, đảm bảo theo quy định tối đa 25 SV/1 nhà giáo.

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Cơ hữu</b>	<b>Thỉnh giảng</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>				<b>Ghi chú</b>
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
1.	<b>Lê Thanh Tuấn</b>	x		<b>Bác sỹ CDHA</b>	x				x
2.	<b>Bùi Khắc Tuấn</b>	x		<b>CDHA</b>		x			x
3.	<b>Nguyễn Quốc Hải</b>	x		<b>CDHA</b>			x		x
4.	<b>Phạm Thị Vân Anh</b>	x		<b>Bác sỹ</b>		x			x
5.	<b>Nguyễn Văn Minh</b>	x		<b>Điều dưỡng</b>		x			x
6.	<b>Trương Thị Nam</b>	x		<b>Điều dưỡng</b>			x		x
7.	Nguyễn Tuấn Đồng	x		Bác sỹ		x			
8.	Lê Đức Quỳnh	x		Bác sỹ		x			
9.	Vũ Thị Linh	x		Bác sỹ		x			
10.	Nguyễn Thị Thúy	x		Bác sỹ			x		
11.	Nguyễn Quốc Thịnh	x		Bác sỹ			x		
12.	Trần Thị Hải Yến	x		Điều dưỡng			x		
13.	Nguyễn Văn Tùng	x		Xét nghiệm		x			

TT	Họ và tên	Cơ hữu	Thỉnh giảng	Chuyên ngành	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
					Tiến sĩ, CK II	Thạc sĩ, CK I	Đại học	Cao đẳng	
14.	Lê Thị Dung	x		Toán		x			
15.	Nguyễn Thị Huệ	x		Sinh			x		
16.	Lê Thị Lan Oanh	x		Hoá		x			
17.	Nguyễn Hoàng sâm		x	CDHA	x				
18.	Lê Hoàng Long		x	CDHA		x			
19.	Đình Văn Hạnh		x	CDHA		x			
20.	Nguyễn Văn Sơn		x	CDHA		x			
21.	Bùi Huy Thành		x	CDHA			x		
22.	Nguyễn Văn Trường		x	CDHA			x		
23.	Nguyễn Quang Hưng		x	CDHA			x		
24.	Lê Văn Tường		x	CDHA				x	
25.	Vũ Duy Trung		x	CDHA			x		
26.	Lương Văn Hùng		x	CDHA				x	
27.	Nguyễn Quang Minh		x	CDHA			x		
28.	Nguyễn Sỹ Linh		x	Bác sỹ			x		

### **1.5. CƠ SỞ THỰC HÀNH KÝ KẾT VỚI NHÀ TRƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2017/NĐ-CP**

Hiện tại, Nhà trường đã ký hợp đồng đào tạo thực hành lâm sàng với tất cả các Bệnh viện đảm bảo điều kiện là cơ sở thực hành theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe gồm 31 bệnh viện:

1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa
2. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa
3. Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa
4. Bệnh viện Mắt Thanh Hóa
5. Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa
6. Bệnh Viện Tâm thần Thanh Hóa
7. Bệnh viện Đông Y

8. Bệnh viện Phổi Thanh Hóa
9. Bệnh viện Phục hồi chức năng Trung Ương
10. Bệnh viện đa khoa Thành phố Thanh Hóa
11. Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung
12. Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định
13. Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hóa
14. Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước
15. Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn
16. Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy
17. Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát
18. Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành
19. Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành
20. Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương
21. Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn
22. Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Lặc
23. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa
24. Bệnh viện đa khoa huyện Tĩnh Gia
25. Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh
26. Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân
27. Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc
28. Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống
29. Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân
30. Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn
31. Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa

**1.6. Chương trình đào tạo:** Nhà trường đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới chương trình đào tạo cho tất cả các chuyên ngành, các cấp đào tạo đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo đồng thời mang tính ổn định, cập nhật, phù hợp với định

hướng phát triển, xây dựng nhà trường thành Trường chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Cụ thể:

*(Nội dung chi tiết có file đính kèm công khai tại website của trường).*

**Tên ngành, nghề:** Kỹ thuật Hình ảnh Y học (Medical image technology)

**Mã ngành, nghề:** 6720601

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THPT và tương đương

**Thời gian đào tạo:** 3 năm

## **1. Mục tiêu đào tạo**

### **1.1 Mục tiêu chung:**

Đào tạo trình độ Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh y học có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức - kỹ năng chuyên ngành để thực hiện các kỹ thuật hình ảnh y học phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác, có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### **1.2 Mục tiêu cụ thể:**

#### **1.2.1 Về kiến thức**

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định, đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp;
- Trình bày được các quy định Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp.
- Giải thích các kiến thức cơ bản về giải phẫu sinh lý người, sinh lý bệnh, sinh học di truyền, bệnh học, dược lý, cấp cứu ban đầu vào công việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người bệnh.
- Có đủ kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, nguyên lý kỹ thuật – công nghệ và kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành kỹ thuật hình ảnh y học.
- Hiểu được các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số trang thiết bị thuộc ngành kỹ thuật hình ảnh y học.
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học;



### 1.2.2 Về kỹ năng

- Tổ chức, đón tiếp, hướng dẫn, giúp đỡ và chuẩn bị bệnh nhân trước khi tiến hành kỹ thuật tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chụp Xquang thường quy, nhận biết và phân tích được các biểu hiện bất thường trên phim chụp đồng thời có khả năng mô tả phân tích định hướng chẩn đoán bệnh lý hay gặp trên phim chụp X quang thường quy.
- Thực hiện được một số kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ hạt nhân; kỹ thuật siêu âm bụng tổng quát; ghi hình phóng xạ và xạ trị một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp.
- Trợ giúp, phối hợp cùng bác sĩ thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp.
- Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong y học hạt nhân và các biện pháp đảm bảo an toàn phóng xạ.
- Vận hành thành thạo, bảo quản, bảo dưỡng các trang thiết bị thuộc chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh.
- Thực hiện đúng các quy định về sử dụng vật tư, hoá chất thuộc chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh, các quy chế vô khuẩn trong hoạt động chuyên môn.
- Kiểm tra công tác chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, thuốc, hoá chất theo yêu cầu của các kỹ thuật X quang .
- Đề xuất những biện pháp thích hợp để đảm bảo chất lượng kỹ thuật chuyên ngành.
- Quản lý, sử dụng, bảo quản trang thiết bị trong phạm vi được phân công, phát hiện và xử lý lỗi kỹ thuật đơn giản.
- Chịu trách nhiệm cá nhân về những phương tiện, tài sản được phân công.
- Lập kế hoạch dự trữ, lĩnh vật tư, thuốc, hoá chất ... khi được phân công.
- Tổ chức thực hiện chế độ vệ sinh phòng bệnh, tẩy uế, khử trùng dụng cụ ..., đảm bảo vô khuẩn khoa phòng và chế độ đảm bảo an toàn phóng xạ.
- Định kỳ kiểm kê, đối chiếu các thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực được giao.
- Quản lý, theo dõi, thực hiện thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định.
- Bảo quản, lưu trữ các tài liệu trong lĩnh vực được giao.
- Thường xuyên tự học, cập nhật kiến thức, kỹ thuật trong chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học.
- Tổ chức thực hiện, đôn đốc, giám sát, kiểm tra các hoạt động chuyên môn của khoa Chẩn đoán hình ảnh khi được phân công.
- Thực hiện các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn của ngành y tế và các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Tham gia tổ chức và quản lý được một khoa chẩn đoán hình ảnh theo quy định.
- Giao tiếp với người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp hiệu quả;
- Thực hiện thành thạo sơ cấp cứu ban đầu;
- Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng để tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học.
- Đề xuất phương án sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả tại nơi làm việc.
- Vận dụng kiến thức về luật bảo hiểm y tế trong việc giải quyết các chính sách y tế cho người bệnh và các khiếu nại về nội quy, quy định bệnh viện.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 1.2.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động, sáng tạo trong công việc, chấp hành nhiệm vụ được giao tự chịu trách nhiệm về kết quả làm việc của mình, của nhóm; trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, kiên trì, tích cực;
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật;
- Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh;
- Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, phòng ngừa tàn tật cho người bệnh;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Hướng dẫn, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công;
- Có tinh thần cầu tiến, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục khiêm tốn học tập vươn lên.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao, có khả năng tự đánh giá chất lượng công việc.
- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình.
- Thiết lập được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong công tác.

### 1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh có thể làm việc tại khoa chẩn đoán hình ảnh các Viện y học, Bệnh viện trung ương, Bệnh viện tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, các bệnh viện huyện/thị xã trực thuộc tỉnh, các bệnh viện ngoài công lập, các trung tâm y tế quận (huyện), các Trạm y tế xã phường các trường đại học, cao đẳng và trung cấp y tế với các vị trí việc làm sau:

- Chụp X-quang
- Chụp cắt lớp vi tính - Cộng hưởng từ
- Siêu âm
- Kỹ thuật hình ảnh can thiệp
- Ghi hình phóng xạ - Xạ

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 43
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 110.5 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.204 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 920 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1611 giờ, kiểm tra: 108 giờ

## 3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành /TT/BT/T L	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH 01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	6	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn cơ sở ngành và chuyên ngành</b>	<b>89.5</b>	<b>2204</b>	<b>763</b>	<b>1356</b>	<b>85</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn cơ sở ngành</b>	<b>40.5</b>	<b>734</b>	<b>483</b>	<b>211</b>	<b>40</b>
MH 07	Xác suất, thống kê y học	2	30	28	0	2
MH 08	Sinh học và di truyền	1	15	14	0	1
MH 09	Hoá học	2	30	28	0	2
MH 10	Lý sinh	2	30	28	0	2
MH 11	Giải phẫu	3	60	28	29	3
MH 12	Sinh lý	2.5	39	28	9	3
MH 13	Mô học	2	30	28	0	2
MH 14	Giải phẫu bệnh	2	30	28	0	2

MH 15	Hoá sinh	2	30	28	0	2
MH 16	Vì sinh - Ký sinh trùng	2.5	45	28	15	2
MH 17	Sinh lý bệnh	2	30	28	0	2
MH 18	Dược lý	2.5	45	28	14	3
MH 19	Điều dưỡng cơ bản và CCBD	1	35	5	29	1
MH 18	Sức khỏe - Vệ sinh - Môi trường	2	30	28	0	2
MH 21	Dịch tễ	1	15	14	0	1
MH 22	Dinh dưỡng chế - Tiết chế - Vệ sinh an toàn thực phẩm	1	15	14	0	1
MH 23	Y xã hội	2.5	45	30	13	2
MH 24	Bệnh cơ sở	4	60	56	0	4
MH 25	Lâm sàng bệnh cơ sở	2	90	0	88	2
MH 26	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1.5	30	14	14	1
<b>II.2</b>	<b>Các môn chuyên ngành</b>	<b>49</b>	<b>1470</b>	<b>280</b>	<b>1145</b>	<b>45</b>
MH 27	Vật lý tia X	1.5	30	14	14	2
MH 28	Giải phẫu X-quang	2.5	45	28	15	2
MH 29	Kỹ thuật chụp X- quang không dùng thuốc cản quang	5	105	42	58	5
MH 30	Kỹ thuật chụp X- quang có dùng thuốc cản quang	1	15	14	0	1
MH 31	Chẩn đoán hình ảnh X-quang	5	105	42	58	5
MH 32	Kỹ thuật siêu âm	4	90	28	58	4
MH 33	Kỹ thuật buồng tối	1	15	14	0	1
MH 34	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ	5	105	42	58	5
MH 35	Y học hạt nhân và xạ trị	1	15	14	0	1
MH 36	Bảo trì máy X-quang	1	15	14	0	1
MH 37	Quản lý khoa X- quang	1	15	14	0	1
MH 38	Thực tập lâm sàng 1	3	135	0	132	3
MH 39	Thực tập lâm sàng 2	3	135	0	132	3
MH 40	Thực tập lâm sàng 3	4	180	0	176	4
MH 41	Thực hành nghiên cứu khoa học	1	15	14	0	1
MH 42	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	264	6
MH 43	Kiểm tra tay nghề cuối khóa	4	180	0	180	0
	<b>Tổng</b>	<b>110.5</b>	<b>2639</b>	<b>920</b>	<b>1611</b>	<b>108</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

##### 4.1 Hướng dẫn sử dụng các môn học chung

6 môn học chung gồm các môn: Giáo dục chính trị; Pháp luật; Tin học; Ngoại ngữ; Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh được sử dụng chung, thống nhất trong đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng của hệ thống Giáo dục nghề nghiệp đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và Ban hành theo các Thông tư cụ thể sau:

- Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

- Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

- Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

- Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

#### **4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật

#### **4.3. Kiểm tra sau khi kết thúc môn học**

Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập thực hành, chuyên đề, báo cáo.

Thời gian kiểm tra:

- Lý thuyết: Không quá 120 phút

- Thực hành: Không quá 8 giờ

Thời gian kiểm tra của các môn học được tích hợp giữa lý thuyết, thực hành,

lâm sàng.

#### **4.4. Thi tốt nghiệp**

<b>TT</b>	<b>Môn thi</b>	<b>Hình thức thi</b>	<b>Thời gian thi</b>
1	Kiểm tra thực hành tay nghề	Thực hành	Không quá 24 giờ

#### **4.5. Điều kiện xét công nhận tốt nghiệp**

4.5.1. Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên;
- Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có đơn gửi nhà trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học;
- Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

4.5.2. Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

#### **4.6. Văn bằng, danh hiệu cấp cho người học**

- Văn bằng tốt nghiệp: Cao đẳng
- Danh hiệu: Cử nhân thực hành

#### **4.7. Các chú ý khác**

- Trước khi đi thực tập tại tuyến y tế cơ sở sinh viên được thực hành trên mô hình tại các phòng tiền lâm sàng của nhà trường;
- Toàn bộ nội dung thực tập cơ sở sinh viên được thực tập tại các trung tâm, bệnh viện tuyến cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh, trung ương để học sinh được học tập và thực tế trên lâm sàng.